TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 515/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Đội D, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh K (tên gọi khác là Đỗ Văn L), sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Q và anh Đỗ Thanh K kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 đăng ký ngày 03 tháng 02 năm 2015). Sau cưới chị về gia đình anh K ăn ở tại thôn B, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 3 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thống nhất trong việc làm kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xã N, anh K có tìm gọi nhưng chị không về đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh K.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 16 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Đỗ Thanh K trình bày:

Công nhận lời trình bày của chị Q về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2016, nguyên nhân là do anh đi làm xa nên ít có thời gian quan tâm đến gia đình và vợ chồng không thống nhất về kinh tế. Chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh tìm gọi nhiều lần nhưng chị Q không về đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Q xin ly hôn thì anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Q.

2. Về con chung và tài sản chung:

Chị Q và anh K thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn

nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 đăng ký ngày 03 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Q được ly hôn anh K.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh K không có con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị Q và anh K không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Đỗ Thanh K (tên gọi khác là Đỗ Văn L).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000798 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T, HP;
- Chi cục THADS huyện T, HP;
- UBND xã L, huyện T, HP (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã